

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Saigon Technology University
- Tên viết tắt: STU

#### 1.2. Mã trường: DSG

#### 1.3. Địa chỉ chính: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

#### 1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://www.stu.edu.vn/>

#### 1.5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Website: <http://www.stu.edu.vn>; mục Thông tin tuyển sinh đại học
- Điện thoại: 028.38.505520 (số nội bộ: 106; 107; 109; 115; 116)
- Điện thoại đường dây nóng - Hotline: 0902992306
- Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):
  - + Mail Trường: [contact@stu.edu.vn](mailto:contact@stu.edu.vn)
  - + Mail Phòng Đào tạo: [phongdaotao@stu.edu.vn](mailto:phongdaotao@stu.edu.vn)
  - + Mail Văn phòng tuyển sinh: [vpts@stu.edu.vn](mailto:vpts@stu.edu.vn)

#### 1.6. Địa chỉ công khai các thông tin:

- Quy chế tuyển sinh: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Thông báo tuyển sinh: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>

#### 1.7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

- Chương trình đào tạo: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Ngành đào tạo: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Đội ngũ giảng viên: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Cơ sở vật chất: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Quy mô đào tạo: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Kế hoạch tuyển sinh: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm: <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/>

### 2. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

#### 2.1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

#### 2.2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

- Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:
  - Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề, hoặc tương đương.

Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS), đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được xét tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

(2) Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

- Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự;
- Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
- Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi đến năm 2025, hoặc tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày xét tuyển);
- Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi;
- Cán bộ, công chức, người lao động thuộc cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

### 2.3. Phương thức tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

(1) Trường tổ chức xét tuyển theo lịch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT năm 2025.

(2) **Phương thức xét tuyển: 03 phương thức xét tuyển.**

- **Phương thức 01:** Xét tuyển bằng Học bạ. Thang điểm: 30 điểm

+ Tổ hợp xét tuyển:

- Nhóm 01: ĐTB năm Lớp 10 + ĐTB năm Lớp 11 + ĐTB năm Lớp 12
- Nhóm 02: ĐTB năm Lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển. **Đây là tổ hợp gồm điểm trung bình cả năm Lớp 12 THPT của 03 môn học;** trong đó:

- ☛ Phải có ít nhất một môn Toán, hoặc Văn cho các ngành thuộc khối kinh tế, quản trị; Luật và Thiết kế Mỹ thuật. Lấy điểm cao nhất trong 02 môn Toán - Ngữ văn; tiếp theo lấy điểm cao nhất nhì của môn Toán/Văn và các môn còn lại.
- ☛ Phải có môn Toán cho các ngành thuộc khối Kỹ thuật Công nghệ. Lấy điểm môn Toán; tiếp theo lấy điểm cao nhất nhì của các môn còn lại.

\* Lưu ý: Tổ hợp các môn xét tuyển có thể khác nhau do thay đổi chương trình theo bộ sách giáo khoa cũ năm 2006; và bộ sách giáo khoa mới năm 2018. hoặc, do chọn lựa môn học tự chọn của thí sinh.

- **Phương thức 02:** Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Thang điểm: 30 điểm

+ Tổ hợp xét tuyển:

- Điểm thi tốt nghiệp THPT của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển. **Đây là tổ hợp gồm điểm thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT của 03 môn thi;** trong đó:

- ☛ Phải có ít nhất một môn Toán, hoặc Văn cho các ngành thuộc khối kinh tế, quản trị; Luật và Thiết kế Mỹ thuật. Lấy điểm cao nhất trong 02 môn Toán - Ngữ văn; tiếp theo lấy điểm cao nhất nhì của môn Toán/Văn và các môn còn lại.
- ☛ Phải có môn Toán cho các ngành thuộc khối Kỹ thuật Công nghệ. Lấy điểm môn Toán; tiếp theo lấy điểm cao nhất nhì của các môn còn lại.

\* Lưu ý: Tổ hợp các môn xét tuyển có thể khác nhau do thay đổi chương trình theo bộ sách giáo khoa cũ năm 2006 và bộ sách giáo khoa mới năm 2018; hoặc, do chọn lựa môn học tự chọn của thí sinh.

- **Phương thức 03:** Xét tuyển bằng Điểm thi đánh giá năng lực năm 2025
- + Tổ hợp xét tuyển: Điểm thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia tổ chức năm 2025 (ĐGNL\_ĐHQG TPHCM). Thang điểm: 1.200; quy đổi về thang điểm 30.

(3) **Phương thức và tổ hợp xét tuyển**

- (a) Danh sách các môn học, môn thi theo chương trình sách giáo khoa năm 2006 và 2018 được STU chọn để đưa vào tổ hợp xét tuyển

| STT | Tên môn học, môn thi              | Viết tắt | Chương trình sách giáo khoa năm |          |
|-----|-----------------------------------|----------|---------------------------------|----------|
|     |                                   |          | Năm 2006                        | Năm 2018 |
| 1   | Ngữ văn                           | VA       | có                              | có       |
| 2   | Toán                              | TO       | có                              | có       |
| 3   | Ngoại ngữ                         | NN       | có                              | có       |
| 4   | Vật lý                            | LY       | có                              | có       |
| 5   | Hóa học                           | HO       | có                              | có       |
| 6   | Sinh học                          | SI       | có                              | có       |
| 7   | Lịch sử                           | SU       | có                              | có       |
| 8   | Địa lý                            | DI       | có                              | có       |
| 9   | Giáo dục công dân                 | CD       | có                              |          |
| 10  | Công nghệ công nghiệp/nông nghiệp | CN       |                                 | có       |
| 11  | Giáo dục kinh tế và pháp luật     | GD       |                                 | có       |
| 12  | Tin học                           | TI       |                                 | có       |

- (b) Danh sách các tổ hợp xét tuyển tổ hợp các môn học có trong chương trình sách giáo khoa năm 2006 (cũ) và năm 2018 (mới) – Xem chi tiết tại PHỤ LỤC 1

2.4. **Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức xét tuyển**

- (1) Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do cơ sở đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.
- (2) Ngưỡng đầu vào được quy đổi tương đương giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển đối với cùng một mã ngành xét tuyển.

- Trường xác định ngưỡng đầu vào (điểm sàn xét tuyển), điều kiện nhận xét tuyển và công bố trên website của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước thời điểm thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.
- Ngưỡng đầu vào của các phương thức, tổ hợp xét tuyển đối với một mã ngành xét tuyển được quy đổi theo quy tắc tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào.
- Quy tắc (công thức) quy đổi được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

(3) **Điểm trúng tuyển:**

- Điểm ưu tiên tuyển sinh được quy đổi về thang điểm 30,0 điểm. Ví dụ: Điểm thi đánh giá năng lực do Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức là 1.200 điểm  $\Rightarrow$  01,00 điểm ưu tiên của thang điểm 30 được quy đổi thành 40,00 điểm ưu tiên của thang điểm 1.200.
- Đối với cùng một mã ngành xét tuyển, điểm trúng tuyển được quy đổi tương đương giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp trong cùng một phương thức không khác nhau.
- Quy tắc (công thức) quy đổi được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2.5. **Chỉ tiêu tuyển sinh**

(1) **Chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức và tổ hợp xét tuyển đối với các ngành đào tạo từ năm 2004 và tiếp tục tuyển sinh đào tạo năm 2025. Chi tiết các môn trong tổ hợp xem tại Phụ lục 1**

| STT | Mã xét tuyển | Tên chương trình ngành / nhóm ngành | Mã ngành/ nhóm ngành | Tên ngành/nhóm ngành    | Chỉ tiêu dự kiến | Phương thức và tổ hợp môn xét tuyển theo chương trình SGK |                    |
|-----|--------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|
|     |              |                                     |                      |                         |                  | Năm 2006                                                  | Năm 2018           |
| 1   | DH_7210402   | Đại học                             | 7210402              | Thiết kế công nghiệp    | 300              | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 2   | DH_7340101   | Đại học                             | 7340101              | Quản trị kinh doanh     | 600              | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 3   | DH_7480201   | Đại học                             | 7480201              | Công nghệ thông tin     | 800              | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |
| 4   | DH_7510203   | Đại học                             | 7510203              | CNKT cơ điện tử         | 200              | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |
| 5   | DH_7510301   | Đại học                             | 7510301              | CNKT điện điện tử       | 200              | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |
| 6   | DH_7510302   | Đại học                             | 7510302              | CNKT điện tử viễn thông | 100              | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |
| 7   | DH_7540101   | Đại học                             | 7540101              | Công nghệ thực phẩm     | 150              | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |
| 8   | DH_7580201   | Đại học                             | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng       | 150              | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |

(2) **Chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức và tổ hợp xét tuyển đối với các ngành dự kiến mở ngành tuyển sinh đào tạo từ năm 2025. Chi tiết các môn trong tổ hợp xem tại Phụ lục 1**

| STT | Mã xét tuyển | Tên chương trình ngành / nhóm ngành | Mã ngành/ nhóm ngành | Tên ngành/nhóm ngành                    | Chỉ tiêu dự kiến | Phương thức và tổ hợp môn xét tuyển theo chương trình SGK |                    |
|-----|--------------|-------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|
|     |              |                                     |                      |                                         |                  | Năm 2006                                                  | Năm 2018           |
| 1   | DH_7340115   | Đại học                             | 7340115              | Marketing                               | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 2   | DH_7340120   | Đại học                             | 7340120              | Kinh doanh quốc tế                      | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 3   | DH_7340201   | Đại học                             | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng                   | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 4   | DH_7380107   | Đại học                             | 7380107              | Luật kinh tế                            | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 5   | DH_7510605   | Đại học                             | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng     | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 6   | DH_7540106   | Đại học                             | 7540106              | Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 7   | DH_7810101   | Đại học                             | 7810101              | Du lịch                                 | 50               | Tổ hợp có Toán/Văn                                        | Tổ hợp có Toán/Văn |
| 8   | DH_7480106   | Đại học                             | 7480106              | Kỹ thuật máy tính                       | 50               | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán     |

| STT | Mã xét tuyển | Tên chương trình ngành / nhóm ngành | Mã ngành/ nhóm ngành | Tên ngành/nhóm ngành | Chi tiêu dự kiến | Phương thức và tổ hợp môn xét tuyển theo chương trình SGK |                |
|-----|--------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|------------------|-----------------------------------------------------------|----------------|
|     |              |                                     |                      |                      |                  | Năm 2006                                                  | Năm 2018       |
| 9   | DH_7510201   | Đại học                             | 7510201              | CNKT Cơ khí          | 50               | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán |
| 10  | DH_7580302   | Đại học                             | 7580302              | Quản lý xây dựng     | 50               | Tổ hợp có Toán                                            | Tổ hợp có Toán |

## 2.6. Các thông tin khác cần thiết:

### (1) Điểm cộng

#### (a) Điểm cộng ưu tiên theo khu vực

| Ký hiệu khu vực             | Mô tả khu vực                                                                                        | Mức điểm ưu tiên |
|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Khu vực 1 (KV1)             | Xã khu vực I, II, III; Xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc, miền núi, hải đảo, bãi ngang, an toàn khu. | 0,75 điểm        |
| Khu vực 2 Nông thôn (KV2NT) | Khu vực nông thôn không thuộc KV1, KV2, KV3                                                          | 0,50 điểm        |
| Khu vực 2 (KV2)             | Thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; huyện ngoại thành (trừ xã thuộc KV1)                              | 0,25 điểm        |
| Khu vực 3 (KV3)             | Các quận nội thành thành phố trực thuộc Trung ương                                                   | 0,00 điểm        |

#### (b) Điểm cộng ưu tiên theo đối tượng

| Nhóm ưu tiên | Đối tượng                                                                                              | Mã đối tượng | Mức điểm ưu tiên |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| Ưu tiên 1    | Người dân tộc thiểu số ở KV1; con liệt sĩ, thương binh nặng; thương binh, bệnh binh, người có công...  | 01 → 04      | 2,00 điểm        |
| Ưu tiên 1    | Thanh niên xung phong, con thương binh nhẹ, người dân tộc thiểu số ngoài KV1, người khuyết tật nặng... | 05 → 07      | 1,00 điểm        |

#### (c) Giảm điểm ưu tiên: Khi tổng điểm $\geq 22,50$ :

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30,00 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}.$$

#### (d) Ưu tiên xét tuyển thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế:

- Trình độ tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên.
- Chứng chỉ phải còn trong thời hạn 02 năm tính đến ngày xét tuyển;
- Điểm cộng lần lượt là 1,00 điểm; 1,50 điểm; tối đa là 2,00 điểm.
- Ví dụ theo bảng dưới đây:

|                                                  |            |            |            |
|--------------------------------------------------|------------|------------|------------|
| Điểm IELTS Academic (Thang điểm 9,0)             | 6,0        | 6,5        | $\geq 7,0$ |
| Điểm cộng cho tổ hợp xét tuyển (Thang điểm 10,0) | +1,00 điểm | +1,50 điểm | +2,00 điểm |

### (2) Thông tin về chính sách học bổng:

- Học bổng tài năng dành cho thí sinh trúng tuyển và nhập học có điểm đầu vào cao; không xét điểm ưu tiên. Học bổng bằng 50% - 100% học phí bốn năm học đại học của sinh viên.
- Học bổng khuyến khích dành cho thí sinh trúng tuyển và làm thủ tục nhập học sớm. Học bổng bằng 20% học phí học kỳ 1 năm thứ nhất.
- Ngoài ra, còn các loại học bổng khác.

## 2.7. Tổ chức tuyển sinh

- Kế hoạch tổ chức tuyển sinh của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tổ chức xét tuyển theo lịch tuyển sinh chung của cả nước do Bộ GDĐT ban hành và lịch tuyển sinh riêng của trường.
- Lịch tuyển sinh chia làm các đợt chính:

- Xét tuyển thẳng;
- Xét tuyển đợt 01 chung cả nước;
- Xét tuyển đợt bổ sung (nếu có).

| STT        | Nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, cá nhân thực hiện                 | Đơn vị, cá nhân phối hợp  | Thời gian thực hiện         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổ chức xét tuyển thẳng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                           |                           |                             |
| 1          | – Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về trường theo đường bưu điện; hoặc, nộp trực tiếp tại trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thí sinh                                  | Trường                    | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 2          | – Xét tuyển và thông báo kết quả cho thí sinh.<br>– Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT (HTTS của Bộ GDĐT)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trường                                    | Thí sinh, Sở GDĐT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 3          | – Thí sinh xét tuyển thẳng được trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên HTTS của Bộ GDĐT (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thí sinh                                  | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| <b>II</b>  | <b>Đăng ký xét tuyển trên HTTS của Bộ GDĐT – Đợt 1</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                           |                           |                             |
| 1          | – Sở GDĐT cấp tài khoản bổ sung cho thí sinh tự do chưa có tài khoản đăng ký xét tuyển trên HTTS của Bộ GDĐT (thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025, tốt nghiệp tương đương THPT).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Sở GDĐT, Thí sinh                         | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 2          | <b>Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT</b><br>– <b>Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên HTTS Bộ GDĐT.</b><br>o Mã tuyển sinh của trường: DSG<br>o Đăng ký không giới hạn số lần trong thời gian quy định.<br>o Thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành.<br>– <b>Đối tượng đăng ký xét tuyển trên HTTS Bộ GDĐT:</b><br>o Thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường theo tất cả các phương thức xét tuyển Phương thức.<br>– <b>Thí sinh đăng nhập vào HTTS Bộ GDĐT sẽ thấy được:</b><br>o Công cụ để đăng ký xét tuyển.<br>– <b>Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển chính thức trên HTTS của Bộ GDĐT:</b><br>o Đăng ký nguyện vọng theo các ngành của trường (Mã trường DSG); hoặc, chọn lựa đăng ký vào trường khác (nếu có).<br>o Sắp xếp và xác định thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng đã đăng ký theo ngành. | Thí sinh, Trường, Sở GDĐT, Điểm tiếp nhận | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 3          | – Trường công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên HTTS của Bộ GDĐT và công bố trên website trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Trường                                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 4          | – Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn ghi trên HTTS của Bộ GDĐT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thí sinh, Trường                          | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| <b>III</b> | <b>Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                           |                           |                             |
| 1          | – Tài dữ liệu thí sinh từ HTTS của Bộ GDĐT: Thông tin xét tuyển; điểm thi tốt nghiệp THPT; kết quả học tập cấp THPT.<br>– Tổ chức xét tuyển.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trường                                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 2          | – Xử lý nguyện vọng trên HTTS của Bộ GDĐT để xác định nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vụ GDĐH, Cục CNTT                         | Trường                    | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| <b>IV</b>  | <b>Thông báo kết quả và xác nhận nhập học</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                           |                           |                             |
| 1          | – Trường thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1.<br>– Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển trên website trường – Mục Thông tin tuyển sinh đại học 2025.<br>– <i>Thí sinh xem, tải và in giấy báo trúng tuyển (dạng file pdf) để làm thủ tục nhập học theo hướng dẫn ghi trong giấy báo.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trường                                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT         | Theo quy định chung Bộ GDĐT |
| 2          | – Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT theo quy chế tuyển sinh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Thí sinh                                  | Trường, Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo quy định chung Bộ GDĐT |

| STT        | Nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị, cá nhân thực hiện | Đơn vị, cá nhân phối hợp | Thời gian thực hiện                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 3          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học và đóng học phí học kỳ 1 năm học 2025 – 2026 tại trường.</li> <li>Thí sinh nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại trường; đóng học phí bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản đến tài khoản trường.</li> <li><i>Trong thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT; không nộp hồ sơ nhập học và không đóng học phí sẽ được xem như không có nhu cầu nhập học. Nhà trường sẽ tuyển thí sinh khác thay thế.</i></li> </ul>                      | Thí sinh                  | Trường                   | Theo quy định chung Bộ GDĐT                                         |
| <b>VI</b>  | <b>Tổ chức đăng ký và xét tuyển bổ sung (nếu có)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |                          |                                                                     |
| 1          | – Trường thông báo tuyển sinh đợt bổ sung (nếu có).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trường                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT        | Dự kiến sau ngày 15/08/2025 trước ngày 08/09/2025                   |
| 2          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xét tuyển các đợt tiếp theo (nếu có). <ul style="list-style-type: none"> <li><i>Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website trường sau khi hết thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến trên HTTS Bộ GDĐT.</i></li> <li><i>Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển đợt bổ sung về trường theo đường bưu điện; nộp trực tiếp tại trường; hoặc, đăng ký trực tuyến trên website trường.</i></li> <li><i>Đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) sẽ kết thúc đăng ký xét tuyển khi trường nhận đủ chỉ tiêu.</i></li> </ul> </li> </ul> | Trường                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT        | Dự kiến sau ngày 15/08/2025 trước ngày 08/09/2025                   |
| 3          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trường thông báo thí sinh trúng tuyển đợt bổ sung (nếu có).</li> <li>Thí sinh trúng tuyển đợt bổ sung đến trường làm thủ tục nhập học và đóng học phí.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Trường                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT        | Kết thúc trước 17 giờ 00 ngày 08/09/2025 để kịp khai giảng khóa mới |
| 4          | – Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học (nếu có) theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trường                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT        | Từ Tháng 09/2025 đến Tháng 01/2026                                  |
| <b>VII</b> | <b>Báo cáo kết quả tuyển sinh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                           |                          |                                                                     |
| 1          | – Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2025 của trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Trường                    | Vụ GDĐH, Cục CNTT        | Chậm nhất là ngày 31/12/2025                                        |

## 2.8. Chính sách ưu tiên (xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển)

(1) Bảng tóm tắt các đối tượng và tiêu chí xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025 và quy định riêng của trường.

| STT | Đối tượng xét tuyển thẳng                                                         | Tiêu chí/Xác nhận kèm theo                      | Phạm vi/ngành áp dụng tại trường                                                                                        | Thời hạn tính từ lúc đạt tiêu chí |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1   | Anh hùng Lao động, Lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc        | Giấy chứng nhận theo quy định                   | Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT, xét tuyển thẳng vào các ngành (theo quy định của trường).                          | 02 năm                            |
| 2   | Học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc giải khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế | Giải Nhất/Nhì/Ba, do Bộ GDĐT tổ chức hoặc cử đi | Xét tuyển thẳng vào các ngành (theo quy định của trường).                                                               | Trong 3 năm                       |
| 3   | Giải nghệ thuật quốc tế (ca, múa, nhạc, mỹ thuật)                                 | Xác nhận của Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch        | Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT, xét tuyển thẳng vào ngành Thiết kế Công nghiệp với thí sinh đoạt giải về mỹ thuật. | Trong 4 năm                       |
| 3   | Giải tay nghề khu vực ASEAN hoặc quốc tế                                          | Giải Nhất/Nhì/Ba do Bộ/ngành chức năng cử đi    | Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT, ngành phù hợp nghề đã dự thi.                                                      | Trong 3 năm                       |
| 7   | Người khuyết tật nặng                                                             | Giấy xác nhận khuyết tật                        | Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT, xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với sức khỏe.                                    | Không quy định                    |

| STT | Đối tượng xét tuyển thẳng                                                          | Tiêu chí/Xác nhận kèm theo                      | Phạm vi/ngành áp dụng tại trường                                                                       | Thời hạn tính từ lúc đạt tiêu chí |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 8   | Dân tộc thiểu số rất ít người hoặc từ 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo Tây Nam Bộ | Giấy tờ chứng minh nơi thường trú, hoặc học tập | Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT, xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp (theo quy định của trường). | Không quy định                    |
| 10  | Người nước ngoài                                                                   | Chứng chỉ năng lực ngôn ngữ đạt chuẩn           | Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT, xét vào ngành phù hợp.                                            | Không quy định                    |

- (2) Ưu tiên xét tuyển (đối với thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng, xét tuyển theo nguyện vọng cá nhân): Nhà trường không cộng điểm ưu tiên cho nhóm thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng (quy định tại Mục 2.8.1) mà đăng ký xét tuyển theo nguyện vọng.

2.9. **Lệ phí xét tuyển, thi tuyển:** Thực hiện theo quy định chung của Bộ GDĐT. Dự kiến 20.000 đồng/nguyên vọng xét tuyển.

2.10. **Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (giải quyết khiếu nại, quyền lợi thí sinh...)**

- (1) Trong quá trình đăng ký xét tuyển, trúng tuyển, xác nhận nhập học và đóng học phí, thí sinh phải tuân theo Quy chế tuyển sinh năm 2025, các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và thông báo của nhà trường. Thí sinh phải thực hiện theo lịch công tác tuyển sinh chung của Bộ GDĐT và lịch trình riêng của nhà trường.
- (2) Các vấn đề phát sinh (nếu có) sẽ được giải quyết theo quy chế tuyển sinh và quy định hiện hành. Khi xảy ra các trường hợp làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của thí sinh do lỗi khách quan của quy trình xét tuyển, nhà trường sẽ xin ý kiến và làm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm thực hiện quyền lợi của thí sinh trong khuôn khổ quy định chung.

2.11. **Học phí đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:**

- (1) Học phí dự kiến trong khoảng  $19.880.300 \div 25.954.500$  đồng/học kỳ tùy theo ngành..
- (2) Một năm có hai học kỳ chính và một học kỳ hè. Học phí các học kỳ từ năm học thứ hai được tính theo số tín chỉ môn học đăng ký. Lộ trình tăng học phí từng năm tối đa là 10%

2.12. **Giới thiệu về các ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm 2004 đến nay:** Tất cả các ngành đào tạo tại trường đều hướng đến ứng dụng – thực hành – nghề nghiệp, được thiết kế theo chuẩn năng lực trình độ đại học trong Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, giúp sinh viên "học để làm – học để phát triển – học để hội nhập quốc tế". Người học sẽ được học tập và phát triển trong một môi trường đào tạo gắn kết giữa tri thức và kỹ năng thực tế, thì đây chính là điểm xuất phát lý tưởng cho hành trình nghề nghiệp tương lai của người học. Tất cả các ngành đào tạo được giới thiệu tại mục này đều đạt **tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo** theo Bộ tiêu chuẩn quốc tế AUN-QA và Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có thể khẳng định 100% chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

(1) **Thiết kế công nghiệp** (mã ngành: 7210402)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng cử nhân.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Thời trang;*
  - + *Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm (Tạo dáng sản phẩm);*
  - + *Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Đồ họa;*
  - + *Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Nội thất.*
- Ngành Thiết kế Công nghiệp là điểm đến lý tưởng cho những bạn trẻ yêu cái đẹp, đam mê sáng tạo và mong muốn trở thành người thổi hồn vào sản phẩm, không gian và hình ảnh thương hiệu. Chương trình đào tạo gồm các chuyên ngành: Thiết kế Sản phẩm, Thiết kế Thời trang, Thiết kế Đồ họa và Thiết kế Nội thất, giúp sinh viên khám phá toàn diện các lĩnh vực thiết kế

ứng dụng. Sinh viên sẽ được học tập trong môi trường sáng tạo, với các studio thiết kế hiện đại, phòng vẽ kỹ thuật số, phần mềm thiết kế chuyên dụng và dự án thực tế từ doanh nghiệp.

- Tốt nghiệp, sinh viên có thể trở thành nhà thiết kế chuyên nghiệp trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp, truyền thông, thương hiệu, thời trang hoặc nội thất; làm việc tại các công ty sáng tạo, nhà xuất bản, hãng quảng cáo, tập đoàn thời trang; hoặc tự khởi nghiệp với thương hiệu cá nhân. Trong thời đại số và kinh tế sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngành Thiết kế Công nghiệp mở ra tương lai nghề nghiệp đầy triển vọng, nơi bạn có thể tạo ra giá trị bằng chính ý tưởng độc đáo và gu thẩm mỹ của mình.

(2) **Quản trị kinh doanh** (mã ngành: 7340101)

- Thời gian đào tạo: 3,5 năm với đại học, cấp bằng cử nhân.
- Chuyên ngành đào tạo: *Quản trị Kinh doanh Tổng hợp*;
- Ngành Quản trị Kinh doanh là lựa chọn hàng đầu cho những bạn trẻ yêu thích kinh tế, năng động, bản lĩnh và có ước mơ trở thành nhà lãnh đạo, nhà quản trị chiến lược hoặc doanh nhân thành đạt. Với các chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh Tổng hợp, Quản trị Marketing, Quản trị Tài chính, Quản trị Chuỗi cung ứng, sinh viên được trang bị kiến thức toàn diện về vận hành doanh nghiệp, kỹ năng lập kế hoạch, phân tích thị trường, quản lý tài chính, tối ưu hóa logistics và giao tiếp kinh doanh. Chương trình học đi đôi với thực hành thông qua dự án mô phỏng doanh nghiệp, chương trình khởi nghiệp, kiến tập và thực tập tại doanh nghiệp đối tác.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như chuyên viên kế hoạch, marketing, quản trị tài chính, trưởng nhóm bán hàng, giám đốc thương hiệu, điều phối chuỗi cung ứng – hoặc tự tạo doanh nghiệp riêng. Ngành học này có tính ứng dụng cao, phù hợp với mọi thời đại, mang lại nhiều cơ hội thăng tiến và làm giàu cho những ai dám nghĩ lớn, hành động nhanh.

(3) **Công nghệ thông tin** (mã ngành: 7480201)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng kỹ sư.
- Trong thời đại công nghệ số và trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, ngành Công nghệ Thông tin trở thành chìa khóa mở ra cơ hội nghề nghiệp rộng lớn trong nước và toàn cầu. Sinh viên sẽ được đào tạo về lập trình, phát triển phần mềm, cơ sở dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, mạng máy tính, an ninh mạng, blockchain... với phương pháp “học đi đôi với làm”. Môi trường học tập hiện đại, giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn, cùng với mô hình học dự án (project-based learning) giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, sáng tạo và tư duy hệ thống.
- Cơ hội nghề nghiệp đa dạng: lập trình viên, kỹ sư phần mềm, chuyên viên IT, quản trị hệ thống, kỹ sư AI hoặc phát triển game, ứng dụng di động... Bên cạnh đó, bạn cũng có thể làm freelancer hoặc startup trong lĩnh vực công nghệ. Ngành học phù hợp với những bạn trẻ đam mê khám phá công nghệ mới, thích tư duy logic và mong muốn đóng góp vào sự thay đổi của thế giới thông minh.

(4) **Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử** (mã ngành: 7510203)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng kỹ sư.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *CNKT CĐT, chuyên ngành Công nghệ Cơ điện tử*
  - + *CNKT CĐT, chuyên ngành Công nghệ robot và trí tuệ nhân tạo*
- Ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử kết hợp tinh hoa của cơ khí chính xác, điện tử, điều khiển tự động và công nghệ máy tính, mang đến nền tảng vững chắc để tạo ra các thiết bị và hệ thống tự động thông minh. Sinh viên có thể lựa chọn chuyên sâu Công nghệ Cơ điện tử hoặc Công nghệ Robot và Trí tuệ nhân tạo, được học tập trong phòng thí nghiệm mô phỏng, hệ thống robot công nghiệp, PLC, cảm biến và các phần mềm mô phỏng tiên tiến.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm kỹ sư điều khiển tự động, thiết kế robot, vận hành dây chuyền sản xuất tự động tại các nhà máy, khu công nghiệp công nghệ cao hoặc startup trong

lĩnh vực thiết kế thiết bị thông minh. Đây là ngành học lý tưởng cho các bạn đam mê kỹ thuật, có tư duy logic và mong muốn tạo ra những sản phẩm công nghệ đột phá.

(5) **Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử** (mã ngành: 7510301)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng kỹ sư.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *CNKT ĐĐT, chuyên ngành Điều khiển và tự động hóa.*
  - + *CNKT ĐĐT, chuyên ngành Điện công nghiệp và cung cấp điện.*
- Ngành học cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về thiết kế, vận hành và bảo trì hệ thống điện – điện tử dân dụng và công nghiệp. Hai chuyên ngành nổi bật gồm: Điều khiển và Tự động hóa và Điện công nghiệp và Cung cấp điện, hướng sinh viên đến năng lực ứng dụng kỹ thuật điện trong các công trình và dây chuyền sản xuất hiện đại. Sinh viên được học thực hành với hệ thống mô phỏng thực tế, tiếp cận công nghệ tự động hóa, cảm biến, PLC, SCADA và điều khiển thông minh.
- Cơ hội nghề nghiệp mở rộng trong các lĩnh vực: kỹ thuật điện, kỹ sư vận hành và bảo trì, chuyên viên tự động hóa, cán bộ quản lý năng lượng tại doanh nghiệp, khu công nghiệp, nhà máy điện, công ty điện lực... Đây là ngành học “xương sống” của công nghiệp hiện đại và luôn có nhu cầu tuyển dụng ổn định, thu nhập tốt.

(6) **Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông** (mã ngành: 7510302)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng kỹ sư.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *CNKT ĐTVT, chuyên ngành Điện tử Viễn thông.*
  - + *CNKT ĐTVT, chuyên ngành Mạng máy tính.*
  - + *CNKT ĐTVT, chuyên ngành Thiết kế vi mạch*
- Ngành học đào tạo kỹ sư công nghệ trong lĩnh vực Điện tử Viễn thông, Mạng máy tính và Thiết kế Vi mạch. Sinh viên sẽ được học về truyền dẫn tín hiệu số, hệ thống viễn thông, mạng không dây, thiết kế mạch điện tử và xử lý tín hiệu, ứng dụng trong các thiết bị di động, hệ thống IoT và thành phố thông minh.
- Chương trình chú trọng thực hành và mô phỏng thực tế, giúp sinh viên làm việc tốt tại các công ty viễn thông, nhà mạng, doanh nghiệp công nghệ cao hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm vi mạch. Với xu hướng phát triển công nghệ 5G, IoT, AI... ngành học này đang trở thành lĩnh vực hấp dẫn với mức lương và triển vọng nghề nghiệp vượt trội.

(7) **Công nghệ thực phẩm** (mã ngành: 7540101)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng kỹ sư.
- Công nghệ thực phẩm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm thực phẩm. Các kỹ sư công nghệ thực phẩm vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản để xây dựng quy trình công nghệ, kiểm soát các thông số sản xuất nhằm tạo ra các sản phẩm thực phẩm tiện lợi, đầy đủ dinh dưỡng, đảm bảo an toàn và đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, ngoài ra còn kéo dài thời hạn sử dụng của thực phẩm. Ngành công nghệ thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn cung cấp thực phẩm an toàn và bền vững, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng, đồng thời giải quyết các thách thức toàn cầu như an ninh lương thực hay tính bền vững..
- Sinh viên có thể làm việc tại nhà máy chế biến thực phẩm, trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm, phòng kiểm nghiệm, hệ thống siêu thị, chuỗi F&B hoặc khởi nghiệp thực phẩm sạch. Đây là ngành học hấp dẫn, ổn định, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và mở ra cơ hội làm việc trong nước lẫn xuất khẩu lao động theo diện kỹ sư thực phẩm.

(8) **Kỹ thuật xây dựng** (mã ngành: 7580201)

- Thời gian đào tạo: 04 năm với đại học, cấp bằng kỹ sư.
- Với chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, sinh viên được đào tạo toàn diện về thiết kế kết cấu, thi công công trình, quản lý dự án, kỹ thuật nền móng, vật liệu và công nghệ xây dựng hiện đại. Sinh viên học đi đôi với thực hành trên mô hình công trình, tiếp xúc với phần mềm AutoCAD, Revit, SAP2000, Etabs... và trải nghiệm thực tế tại các dự án xây dựng.
- Sau khi ra trường, sinh viên có thể đảm nhiệm vai trò kỹ sư thi công, giám sát công trình, kỹ sư kết cấu, chỉ huy trưởng công trình hoặc chuyên viên tư vấn, đấu thầu, quản lý dự án trong các công ty xây dựng, cơ quan nhà nước, viện thiết kế. Ngành học này luôn giữ vai trò thiết yếu trong phát triển hạ tầng đất nước, với nhu cầu tuyển dụng cao và tiềm năng phát triển lâu dài.

### 2.13. Giới thiệu về các ngành, chuyên ngành đào tạo dự kiến mở mới năm 2025:

#### (1) **Ngành Marketing** (Mã ngành: 7340115)

- Thời gian đào tạo: 3,5 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *Quản trị marketing*
  - + *Marketing kỹ thuật số*
- Ngành học đào tạo cử nhân Marketing với kiến thức và kỹ năng toàn diện về tiếp thị hiện đại, từ nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm đến quảng bá thương hiệu và chăm sóc khách hàng đa kênh. Sinh viên học chuyên sâu về hành vi người tiêu dùng, truyền thông tích hợp, digital marketing, content marketing và thương hiệu cá nhân – từ lý thuyết nền tảng đến dự án thực tiễn.
- Chương trình đào tạo theo mô hình ứng dụng, sinh viên thường xuyên tham gia làm việc nhóm, chạy chiến dịch thực tế, phân tích số liệu thị trường và làm việc với các agency marketing. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể trở thành chuyên viên marketing, truyền thông, chăm sóc khách hàng, content creator, quản lý thương hiệu hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông – quảng cáo. Đây là ngành học dành cho những bạn trẻ năng động, sáng tạo và bắt nhịp nhanh với xu thế số hóa.

#### (2) **Kinh doanh quốc tế** (mã ngành: 7340120)

- Thời gian đào tạo: 3,5 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Ngành học đào tạo cử nhân có khả năng tham gia hoạt động thương mại toàn cầu, quản lý xuất nhập khẩu, đàm phán quốc tế và hiểu rõ các hiệp định thương mại tự do (FTA), logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu. Sinh viên sẽ được học tập trong môi trường đa văn hóa, rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp quốc tế, nghiên cứu mô hình kinh doanh xuyên biên giới, phân tích thị trường nước ngoài. Chuyên sâu đào tạo: *Xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế; Quản trị thương mại toàn cầu.*
- Chương trình chú trọng trải nghiệm doanh nghiệp, dự án mô phỏng thương mại thực tế và thực tập tại công ty xuất nhập khẩu, tập đoàn đa quốc gia. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận vị trí chuyên viên xuất nhập khẩu, logistics, quản trị thị trường nước ngoài, nhân viên đối ngoại hoặc phát triển sản phẩm quốc tế. Đây là ngành học mở rộng cơ hội nghề nghiệp toàn cầu, phù hợp với sinh viên yêu thích kinh doanh, thích khám phá thế giới và làm việc trong môi trường quốc tế.

#### (3) **Tài chính – Ngân hàng** (mã ngành: 7340201)

- Thời gian đào tạo: 3,5 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *Ngân hàng*
  - + *Tài chính doanh nghiệp*
- Ngành học đào tạo cử nhân có khả năng làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng hiện đại, nắm vững kiến thức về tín dụng, thanh toán, quản lý tài sản, đầu tư, kế toán tài chính và ngân

hàng số. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng xử lý số liệu tài chính, phân tích báo cáo tài chính, đánh giá rủi ro, lập kế hoạch tài chính và sử dụng các phần mềm chuyên dụng như Excel nâng cao, phần mềm kế toán – tài chính.

- Chương trình gắn với thực tế qua thực tập ngân hàng, mô phỏng các hoạt động tín dụng – đầu tư, làm đồ án tài chính doanh nghiệp và trải nghiệm công việc tại các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại. Sau tốt nghiệp, sinh viên có thể làm chuyên viên tín dụng, kế toán, kiểm toán, giao dịch viên, nhân viên phân tích tài chính, môi giới chứng khoán hoặc quản lý tài chính cá nhân. Ngành học phù hợp với người yêu thích con số, tính chính xác cao và mong muốn có công việc ổn định, thu nhập hấp dẫn.

(4) **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng** (mã ngành: 7510605)

- Thời gian đào tạo: 3,5 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Ngành học đào tạo cử nhân làm chủ toàn bộ chuỗi cung ứng hàng hóa – từ mua hàng, lưu trữ, vận chuyển đến phân phối cuối cùng, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh. Sinh viên học về quản lý kho bãi, vận tải đa phương thức, quản lý tồn kho, thương mại điện tử và phần mềm quản lý chuỗi cung ứng (ERP, SAP, WMS...). Kiến thức chuyên sâu về Logistics; Quản lý Chuỗi cung ứng và Vận tải và quản lý kho hàng
- Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp với thời lượng thực hành cao, mô phỏng hoạt động logistics thực tế, làm việc trực tiếp với doanh nghiệp logistics – xuất nhập khẩu. Sau tốt nghiệp, sinh viên có thể làm chuyên viên logistics, điều phối viên kho vận, quản trị tồn kho, quản lý đơn hàng hoặc chuyên viên mua hàng tại các công ty thương mại, nhà phân phối, tập đoàn sản xuất hoặc cảng biển – sân bay. Đây là ngành học có tốc độ phát triển nhanh, nhu cầu tuyển dụng lớn và cơ hội làm việc toàn cầu.

(5) **Du lịch** (mã ngành: 7810101)

- Thời gian đào tạo: 04 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Chuyên ngành đào tạo:
  - + *Du lịch chăm sóc sức khỏe*
  - + *Quản trị nhà hàng – khách sạn*
- Ngành học đào tạo cử nhân có kiến thức sâu rộng về văn hóa, địa lý, lịch sử, nghiệp vụ lễ hành, tổ chức tour, hướng dẫn du lịch, phục vụ và quản lý dịch vụ du lịch. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức sự kiện, xử lý tình huống thực tế trong ngành dịch vụ và làm việc trong môi trường đa văn hóa – đa ngôn ngữ.
- Chương trình đào tạo gắn kết thực tiễn, sinh viên thường xuyên được tham gia kiến tập tại các điểm du lịch, khách sạn – resort, công ty lễ hành; thực hành nghiệp vụ hướng dẫn, thuyết minh và chăm sóc khách hàng. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các doanh nghiệp du lịch – lễ hành, cơ quan quản lý du lịch, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng – khách sạn, hoặc làm việc tại sân bay, trung tâm tổ chức sự kiện. Trong đó:
  - + Chuyên ngành Du lịch chăm sóc sức khỏe giúp sinh viên nắm bắt xu hướng "wellness tourism", kết hợp giữa du lịch nghỉ dưỡng với dịch vụ chăm sóc sức khỏe, spa, trị liệu và phục hồi chức năng.
  - + Chuyên ngành Quản trị nhà hàng – khách sạn đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ bàn, bar, buồng, tổ chức sự kiện và quản lý cơ sở lưu trú, đáp ứng chuẩn quốc tế trong ngành hospitality.

(6) **Luật Kinh tế** (mã ngành: 7380107)

- Thời gian đào tạo: 04 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Ngành học đào tạo cử nhân am hiểu hệ thống pháp luật Việt Nam và quốc tế, có năng lực tư vấn, phân tích, soạn thảo và thực thi các văn bản pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh. Sinh viên

được học kiến thức về pháp luật dân sự, thương mại, hợp đồng, thuế, đầu tư, lao động và giải quyết tranh chấp trong môi trường kinh tế thị trường.

- Chương trình học chú trọng kỹ năng thực hành pháp lý, sinh viên được luyện tập thông qua tình huống mô phỏng, phiên tòa giả định, phân tích tình huống doanh nghiệp và thực tập tại phòng pháp chế, công ty luật hoặc cơ quan công quyền. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại doanh nghiệp (phòng pháp chế, tư vấn đầu tư), công ty luật, văn phòng công chứng, tòa án, cơ quan thi hành án, hoặc tiếp tục học Luật sư – Thẩm phán – Kiểm sát viên.

(7) **Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí** (mã ngành: 7510201)

- Thời gian đào tạo: 04 năm, cấp bằng Kỹ sư.
- Ngành học đào tạo kỹ sư trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo, gia công, lắp ráp, bảo trì và cải tiến máy móc, thiết bị cơ khí hiện đại. Sinh viên được trang bị kiến thức về cơ học, vật liệu, nguyên lý máy, cơ điện tử và công nghệ sản xuất tự động. Các học phần thực hành gắn với xưởng cơ khí, máy CNC, phần mềm CAD/CAM, mô phỏng kỹ thuật và robot công nghiệp.
- Sinh viên sau tốt nghiệp có thể làm việc tại các nhà máy chế tạo, công ty sản xuất, khu công nghiệp, hoặc làm việc trong lĩnh vực bảo trì – sửa chữa thiết bị cơ khí, tự động hóa, thiết kế kỹ thuật cơ khí. Đây là ngành kỹ thuật cốt lõi, luôn có nhu cầu nhân lực cao và cơ hội phát triển lâu dài trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(8) **Kỹ thuật Máy tính** (mã ngành: 7480106)

- Thời gian đào tạo: 04 năm, cấp bằng Kỹ sư.
- Ngành học đào tạo kỹ sư chuyên sâu về phần cứng – phần mềm, lập trình hệ thống, thiết kế mạch số, vi điều khiển, nhúng và kết nối thiết bị thông minh. Sinh viên được học từ kiến thức nền tảng về điện tử – máy tính đến các ứng dụng như Internet of Things (IoT), AI, điều khiển từ xa, thiết kế bo mạch và hệ thống nhúng trong thiết bị công nghiệp.
- Sau tốt nghiệp, sinh viên có thể làm kỹ sư nhúng, kỹ sư phần cứng, chuyên viên phát triển thiết bị thông minh, thiết kế hệ thống máy tính hoặc kỹ sư điều khiển tự động. Đây là ngành học lý tưởng cho những ai đam mê công nghệ, thích sáng tạo sản phẩm thông minh và có khả năng làm việc trong môi trường công nghệ cao.

(9) **Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm** (mã ngành: 7540106)

- Thời gian đào tạo: 04 năm, cấp bằng Cử nhân.
- Ngành học đào tạo kỹ sư có năng lực kiểm soát quy trình sản xuất, phân tích chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong toàn chuỗi cung ứng. Sinh viên được học các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh, hóa lý, cảm quan, tiêu chuẩn ISO/HACCP và pháp luật liên quan đến thực phẩm.
- Chương trình học chú trọng thực hành tại phòng lab hiện đại, tham quan thực tế tại nhà máy chế biến thực phẩm và thực tập nghề nghiệp. Sau tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại trung tâm kiểm định, cơ sở sản xuất thực phẩm, công ty chế biến, cơ quan quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là ngành học thiết thực, ổn định, gắn liền với sức khỏe cộng đồng và nhu cầu xã hội bền vững.

(10) **Quản lý Xây dựng** (mã ngành: 7580302)

- Thời gian đào tạo: 04 năm, cấp bằng Kỹ sư.
- Ngành học đào tạo kỹ sư có năng lực tổ chức, điều hành, kiểm soát và giám sát các hoạt động trong toàn bộ vòng đời của dự án xây dựng. Sinh viên được học về kinh tế xây dựng, luật xây dựng, quản lý chi phí – tiến độ – chất lượng công trình, sử dụng phần mềm quản lý dự án và mô hình BIM. Tập trung vào kiến thức: Quản lý dự án xây dựng; Dự toán và đấu thầu công trình; Kiểm soát chất lượng và tiến độ thi công.
- Chương trình học thực hành cao, gắn với các công ty xây dựng, nhà thầu, ban quản lý dự án. Sau tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhiệm vai trò kỹ sư quản lý dự án, giám sát công trình, kỹ

sư đầu thầu, chuyên viên lập dự toán hoặc cán bộ tư vấn đầu tư. Đây là ngành học thiết yếu trong ngành xây dựng hiện đại, yêu cầu kỹ năng tổ chức cao và khả năng phối hợp đa ngành.

**2.14. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy của trường:**

**(1) Địa chỉ Văn phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn**

- Số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.38.505520 (số nội bộ: 106; 107; 109; 115; 116)
- Điện thoại đường dây nóng - Hotline: 0902.992.306
- Website: <http://www.stu.edu.vn> - mục Thông tin tuyển sinh đại học
- Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):
  - + Mail Phòng Đào tạo: [phongdaotao@stu.edu.vn](mailto:phongdaotao@stu.edu.vn)
  - + Mail Văn phòng tuyển sinh: [vpst@stu.edu.vn](mailto:vpst@stu.edu.vn)

**(2) Thông tin người trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:**

| STT | Họ và tên         | Chức danh, chức vụ               | Điện thoại   | Email                                                                      |
|-----|-------------------|----------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Vũ Hùng Tuấn      | Kỹ sư, Chuyên viên Phòng Đào tạo | 028.38505520 | <a href="mailto:tuan.vuhung@stu.edu.vn">tuan.vuhung@stu.edu.vn</a>         |
| 2   | Ngô Trần Trúc Chi | Kỹ sư, Chuyên viên Phòng Đào tạo | 0902.992.306 | <a href="mailto:chi.ngotrantruc@stu.edu.vn">chi.ngotrantruc@stu.edu.vn</a> |

**Trên đây là Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.**

**Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT;
- Hội đồng Trường;
- Hội đồng Tuyển sinh;
- Các đơn vị của trường;
- Lưu P.HC-NS-PL; P.ĐT; NP (5)

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Hào Thi

**Phụ lục 01: Danh sách các tổ hợp xét tuyển tổ hợp các môn học có trong chương trình sách giáo khoa năm 2006 (cũ) và năm 2018 (mới)**

(\*) Ký hiệu tổ hợp được trường tạm quy ước trong khi chờ Bộ GD&ĐT chính thức công bố từ điển mã tổ hợp

| STT | Các môn trong tổ hợp                 | Môn 01  | Môn 02  | Môn 03  | Ký hiệu tổ hợp (*) |          |
|-----|--------------------------------------|---------|---------|---------|--------------------|----------|
|     |                                      |         |         |         | Năm 2006           | Năm 2018 |
| 1   | ĐTB Lớp 10 - ĐTB Lớp 11 - ĐTB Lớp 12 | ĐTB L10 | ĐTB L11 | ĐTB L12 | T00                | A00      |
| 2   | Toán - Công nghệ - GD KT & PL        | TO      | CN      | GD      |                    | A45      |
| 3   | Toán - Địa - Công nghệ               | TO      | DI      | CN      |                    | A29      |
| 4   | Toán - Địa - GD KT & PL              | TO      | DI      | GD      |                    | A30      |
| 5   | Toán - Địa - Hóa                     | TO      | DI      | HO      |                    | A26      |
| 6   | Toán - Địa - Lý                      | TO      | DI      | LY      |                    | A25      |
| 7   | Toán - Địa - Sinh                    | TO      | DI      | SI      |                    | A27      |
| 8   | Toán - Địa - Tin học                 | TO      | DI      | TI      |                    | A28      |
| 9   | Toán - Hóa - Công nghệ               | TO      | HO      | CN      |                    | A38      |
| 10  | Toán - Hóa - GD KT & PL              | TO      | HO      | GD      |                    | A39      |
| 11  | Toán - Hóa - Sinh                    | TO      | HO      | SI      | T20                | A36      |
| 12  | Toán - Hóa - Tin học                 | TO      | HO      | TI      |                    | A37      |
| 13  | Toán - Lý - Công nghệ                | TO      | LY      | CN      |                    | A34      |
| 14  | Toán - Lý - GD KT & PL               | TO      | LY      | GD      |                    | A35      |
| 15  | Toán - Lý - Hóa                      | TO      | LY      | HO      | T23                | A31      |
| 16  | Toán - Lý - Sinh                     | TO      | LY      | SI      | T24                | A32      |
| 17  | Toán - Lý - Tin học                  | TO      | LY      | TI      |                    | A33      |
| 18  | Toán - Ngoại ngữ - Công nghệ         | TO      | NN      | CN      |                    | A16      |
| 19  | Toán - Ngoại ngữ - Địa               | TO      | NN      | DI      | T08                | A11      |
| 20  | Toán - Ngoại ngữ - GD KT & PL        | TO      | NN      | GD      |                    | A17      |
| 21  | Toán - Ngoại ngữ - Giáo dục Công dân | TO      | NN      | CD      | T09                |          |
| 22  | Toán - Ngoại ngữ - Hóa               | TO      | NN      | HO      | T10                | A13      |
| 23  | Toán - Ngoại ngữ - Lý                | TO      | NN      | LY      | T12                | A12      |
| 24  | Toán - Ngoại ngữ - Sinh              | TO      | NN      | SI      | T13                | A14      |
| 25  | Toán - Ngoại ngữ - Sử                | TO      | NN      | SU      | T11                | A10      |
| 26  | Toán - Ngoại ngữ - Tin học           | TO      | NN      | TI      |                    | A15      |
| 27  | Toán - Sinh - Công nghệ              | TO      | SI      | CN      |                    | A41      |
| 28  | Toán - Sinh - GD KT & PL             | TO      | SI      | GD      |                    | A42      |
| 29  | Toán - Sinh - Tin học                | TO      | SI      | TI      |                    | A40      |
| 30  | Toán - Sử - Công nghệ                | TO      | SU      | CN      |                    | A23      |
| 31  | Toán - Sử - Địa                      | TO      | SU      | DI      | T21                | A18      |
| 32  | Toán - Sử - GD KT & PL               | TO      | SU      | GD      |                    | A24      |
| 33  | Toán - Sử - Giáo dục Công dân        | TO      | SU      | CD      | T22                |          |
| 34  | Toán - Sử - Hóa                      | TO      | SU      | HO      |                    | A20      |
| 35  | Toán - Sử - Lý                       | TO      | SU      | LY      |                    | A19      |
| 36  | Toán - Sử - Sinh                     | TO      | SU      | SI      |                    | A21      |

| STT | Các môn trong tổ hợp                | Môn 01 | Môn 02 | Môn 03 | Ký hiệu tổ hợp (*) |          |
|-----|-------------------------------------|--------|--------|--------|--------------------|----------|
|     |                                     |        |        |        | Năm 2006           | Năm 2018 |
| 37  | Toán - Sử - Tin học                 | TO     | SU     | TI     |                    | A22      |
| 38  | Toán - Tin học - Công nghệ          | TO     | TI     | CN     |                    | A43      |
| 39  | Toán - Tin học - GD KT & PL         | TO     | TI     | GD     |                    | A44      |
| 40  | Toán - Văn - Công nghệ              | TO     | VA     | CN     |                    | A08      |
| 41  | Toán - Văn - Địa                    | TO     | VA     | DI     | T01                | A03      |
| 42  | Toán - Văn - GD KT & PL             | TO     | VA     | GD     |                    | A09      |
| 43  | Toán - Văn - Giáo dục Công dân      | TO     | VA     | CD     | T02                |          |
| 44  | Toán - Văn - Hóa                    | TO     | VA     | HO     | T03                | A05      |
| 45  | Toán - Văn - Lý                     | TO     | VA     | LY     | T05                | A04      |
| 46  | Toán - Văn - Ngoại ngữ              | TO     | VA     | NN     | T06                | A01      |
| 47  | Toán - Văn - Sinh                   | TO     | VA     | SI     | T07                | A06      |
| 48  | Toán - Văn - Sử                     | TO     | VA     | SU     | T04                | A02      |
| 49  | Toán - Văn - Tin học                | TO     | VA     | TI     |                    | A07      |
| 50  | Văn - Công nghệ - GD KT & PL        | VA     | CN     | GD     |                    | A81      |
| 51  | Văn - Địa - Công nghệ               | VA     | DI     | CN     |                    | A65      |
| 52  | Văn - Địa - GD KT & PL              | VA     | DI     | GD     |                    | A66      |
| 53  | Văn - Địa - Hóa                     | VA     | DI     | HO     |                    | A62      |
| 54  | Văn - Địa - Lý                      | VA     | DI     | LY     |                    | A61      |
| 55  | Văn - Địa - Sinh                    | VA     | DI     | SI     |                    | A63      |
| 56  | Văn - Địa - Tin học                 | VA     | DI     | TI     |                    | A64      |
| 57  | Văn - Hóa - Công nghệ               | VA     | HO     | CN     |                    | A74      |
| 58  | Văn - Hóa - GD KT & PL              | VA     | HO     | GD     |                    | A75      |
| 59  | Văn - Hóa - Sinh                    | VA     | HO     | SI     | T25                | A72      |
| 60  | Văn - Hóa - Tin học                 | VA     | HO     | TI     |                    | A73      |
| 61  | Văn - Lý - Công nghệ                | VA     | LY     | CN     |                    | A70      |
| 62  | Văn - Lý - GD KT & PL               | VA     | LY     | GD     |                    | A71      |
| 63  | Văn - Lý - Hóa                      | VA     | LY     | HO     | T28                | A67      |
| 64  | Văn - Lý - Sinh                     | VA     | LY     | SI     | T29                | A68      |
| 65  | Văn - Lý - Tin học                  | VA     | LY     | TI     |                    | A69      |
| 66  | Văn - Ngoại ngữ - Công nghệ         | VA     | NN     | CN     |                    | A52      |
| 67  | Văn - Ngoại ngữ - Địa               | VA     | NN     | DI     | T14                | A47      |
| 68  | Văn - Ngoại ngữ - GD KT & PL        | VA     | NN     | GD     |                    | A53      |
| 69  | Văn - Ngoại ngữ - Giáo dục Công dân | VA     | NN     | CD     | T15                |          |
| 70  | Văn - Ngoại ngữ - Hóa               | VA     | NN     | HO     | T16                | A49      |
| 71  | Văn - Ngoại ngữ - Lý                | VA     | NN     | LY     | T18                | A48      |
| 72  | Văn - Ngoại ngữ - Sinh              | VA     | NN     | SI     | T19                | A50      |
| 73  | Văn - Ngoại ngữ - Sử                | VA     | NN     | SU     | T17                | A46      |
| 74  | Văn - Ngoại ngữ - Tin học           | VA     | NN     | TI     |                    | A51      |
| 75  | Văn - Sinh - Công nghệ              | VA     | SI     | CN     |                    | A77      |

| STT | Các môn trong tổ hợp         | Môn 01 | Môn 02 | Môn 03 | Ký hiệu tổ hợp (*) |          |
|-----|------------------------------|--------|--------|--------|--------------------|----------|
|     |                              |        |        |        | Năm 2006           | Năm 2018 |
| 76  | Văn - Sinh - GD KT & PL      | VA     | SI     | GD     |                    | A78      |
| 77  | Văn - Sinh - Tin học         | VA     | SI     | TI     |                    | A76      |
| 78  | Văn - Sử - Công nghệ         | VA     | SU     | CN     |                    | A59      |
| 79  | Văn - Sử - Địa               | VA     | SU     | DI     | T26                | A54      |
| 80  | Văn - Sử - GD KT & PL        | VA     | SU     | GD     |                    | A60      |
| 81  | Văn - Sử - Giáo dục Công dân | VA     | SU     | CD     | T27                |          |
| 82  | Văn - Sử - Hóa               | VA     | SU     | HO     |                    | A56      |
| 83  | Văn - Sử - Lý                | VA     | SU     | LY     |                    | A55      |
| 84  | Văn - Sử - Sinh              | VA     | SU     | SI     |                    | A57      |
| 85  | Văn - Sử - Tin học           | VA     | SU     | TI     |                    | A58      |
| 86  | Văn - Tin học - Công nghệ    | VA     | TI     | CN     |                    | A79      |
| 87  | Văn - Tin học - GD KT & PL   | VA     | TI     | GD     |                    | A80      |

**Ghi chú:**

| Ký hiệu | Tên môn viết tắt | Tên môn                                                              |
|---------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| TO      | Toán             | Toán                                                                 |
| VA      | Văn              | Ngữ văn                                                              |
| LY      | Lý               | Vật lý                                                               |
| HO      | Hóa              | Hóa học                                                              |
| SI      | Sinh             | Sinh vật                                                             |
| SU      | Sử               | Lịch sử                                                              |
| DI      | Địa              | Địa lý                                                               |
| CD      | Công dân         | Giáo dục công dân                                                    |
| CN      | Công nghệ        | Công nghệ Nông nghiệp/Công nghiệp                                    |
| GD      | Giáo dục         | Giáo dục kinh tế và pháp luật                                        |
| NN      | Ngoại ngữ        | Tiếng Anh; Tiếng Đức; Tiếng Nga; Tiếng Nhật; Tiếng Pháp; Tiếng Trung |
| TI      | Tin              | Tin học                                                              |